

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 173/2018/HS-ST
Ngày: 09-7-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT-TỈNH ĐẮKLẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Ông Phạm Cẩm

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 158/2018/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/HSST-QĐ ngày 03/7/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị T**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1991; Tại: Nghệ An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường P, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Hoàng Quốc S (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969, hiện trú tại đường T, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; Bị cáo có chồng là Lê Bảo H, sinh năm: 1987 và có 01 con, sinh năm: 2014;

Ngày 09/02/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 84 ngày 09/02/2018. Có mặt.

Người bị hại:

1. Chị Huỳnh Thị N(đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại chị Huỳnh Thị N: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1983, địa chỉ: đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(Có mặt).

2. Anh Phạm Ngọc H, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Ngọc L, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 16/01/2018, Hoàng Thị T đã có giấy phép lái xe hạng B2, số 661178017577, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/12/2017 điều khiển xe Ô tô biển số 47A-207.32, loại 05 chỗ, nhãn hiệu KIA số loại K3, màu sơn đỏ chở chị Tạ Thị Phương A, ngồi bên ghế phụ, lưu thông trên đường N thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo hướng từ đường C về đường I, thành phố B. Khi đến khu vực chợ T, đường N, T cho xe dừng lại bên trái đường theo hướng đi để mua thức ăn. Do biết mình dừng xe sai quy định, nên T vẫn để xe nổ máy kéo thắng tay rồi xuống xe nhanh chóng mua hàng xong thì lên xe đi ngay. Cùng lúc này, anh Phạm Ngọc H sinh năm 1990, trú tại đường A, phường T, thành phố B, điều khiển xe Mô tô biển số 47F1 – 085.30 đang dừng phía trước cùng chiều và cách đầu xe Ô tô biển số 47A-207.32 khoảng 02- 03m, anh H đã tắt máy và ngồi trên xe. Sau khi mua hàng xong, T lên xe Ô tô biển số 47A-207.32, ngồi vào ghế tài, rồi dùng chân đạp phanh thả phanh tay bật đèn tín hiệu bên phải cài số tiến và từ từ thả phanh chân, nhưng tiếp độ do không làm chủ tốc độ nên T đã đạp chân ga làm xe tăng tốc độ đột ngột lao thẳng về phía trước đầu xe Ô tô biển số 47A-207.32 do T điều khiển tông vào phía sau xe Mô tô biển số 47F1 – 085.30, làm xe mô tô ngã trượt về phía trước bên trái đường đầu xe Ô tô biển số 47A-207.32 đẩy anh H và tiếp tục tông vào chị Huỳnh Thị N sinh năm 1988, trú tại thôn 11, xã H, thành phố B, đang bán hoa trên hè phố trước cổng chợ T, gần trụ điện số 02, làm anh H và chị N bị ngã nằm sát vào trụ điện số 02, đồng thời va quệt vào bà Lê Thị Th sinh năm 1959, trú tại Đường L, thành phố B, đang đứng mua hàng gần chị N và tông vào phía trước bên trái đầu xe Mô tô biển số 47M1 – 002.79 của bà Lê Thị Th đang dừng tại đây gây ra tai nạn giao thông. Lúc này, T đạp phanh cho xe dừng lại. Vì anh H và chị N đang bị đầu xe Ô tô biển số 47A-207.32 ép sát vào trụ điện số 02, nên T đã lùi xe lại để người dân đưa nạn nhân đi cấp cứu. Hậu quả chị Huỳnh Thị N tử vong, anh Phạm Ngọc H và bà Lê Thị Th bị thương xe Mô tô biển số 47F1 – 085.30 và xe Mô tô biển số 47M1 – 002.79 bị hư hỏng nhẹ.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn: Tại trước trụ điện số 02 đường N, phường T, thành phố B. Đường N thẳng, mặt đường nhựa rộng 9,50 m và không có vạch kẻ phân chia phần đường, làn đường, hai bên đường là các hộ dân buôn bán thuộc chợ T, thành

phố B. Đoạn đường không có biển báo hiệu giao thông và không có chương ngại vật ảnh hưởng đến tầm nhìn của người tham gia giao thông.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, lấy gốc trụ điện số 02 bên trái đường N theo hướng từ đường C về đường L, thành phố B (bên ngoài mép đường) làm mốc cố định. Lấy mép đường bên phải đường N theo hướng trên làm mép đường chuẩn, cách mốc cố định 11,00m.

- Xe Ôtô biển số 47A-207.32 (1), sau khi bị tai nạn, (đã lùi xe để đưa nạn nhân đi cấp cứu) xe đỗ bên trái đường N theo hướng từ đường C về đường L, đầu xe quay về hướng Tây Nam, phía trước đầu xe tiếp giáp với mốc cố định, đuôi xe quay về hướng Đông Bắc. Tâm trục bánh trước bên phải cách mép đường chuẩn 9,60m và cách mốc cố định 1,70m. Tâm trục bánh sau bên phải cách mép đường chuẩn 8,75m và cách vị trí xa nhất vết (4) là 6,75m.

- Xe Mô tô biển số 47F1-085.30 (2), sau khi tai nạn, xe ngã sang phải, đầu xe quay về hướng Bắc, đuôi xe quay về hướng Nam. Tâm trục bánh trước đổ vào mép đường chuẩn 11,90m và cách mốc cố định 1,00m. Tâm trục bánh sau đổ vào mép đường chuẩn 12,90m.

- Vết chà (3) có kích thước (0,40 x 0,10)m, tính theo chiều hướng từ đường C về đường L thì đầu vết cách mép đường chuẩn 7,35m, cuối vết cách mép đường chuẩn 7,40m.

- Vết chà xước (4) có kích thước (4,20 x 0,20)m, tính theo hướng vết (3) thì đầu vết (4) cách mép đường chuẩn 7,80m và cách cuối vết (3) 2,55m, cuối vết cách mép đường chuẩn 8,20m.

- Vết chà xước (5) có kích thước (6,00 x 0,20)m, tính theo hướng vết (3) thì đầu vết (5) cách mép đường chuẩn 9,45m, cuối vết cách mép đường chuẩn 10,00m.

- Vết cày xước (6) có kích thước (9,30 x 0,05)m, tính theo hướng vết (3) thì đầu vết (6) cách mép đường chuẩn 9,05m, cuối vết tại vị trí gác chân trước bên phải xe (2) tiếp giáp với mặt đường.

- Vết cày xước (7) có kích thước 7,75m, tính theo hướng vết (3) thì đầu vết (7) cách mép đường chuẩn 9,90m, cách đầu vết (5) là 1,60m, cuối vết (7) tại đầu tay lái xe bên phải xe (2) tiếp giáp với mặt đường, đổ vào mép đường chuẩn 12,90m.

- Biển số xe “47F1-085.30” (8) và phần nhựa đuôi xe gắn biển số có kích thước (0,40 x 0,20)m, tâm biển số cách mép đường chuẩn 8,70m và cách đầu vết (6) là 0m75.

- Biển số trước xe (1) “47A – 207.32” (9) có kích thước (0,47 x 0,12)m, vị trí gần nhất của đầu biển số cách tâm vết (8) là 1,90m và cách mép đường chuẩn 9,05m.

- Vết màu nâu nghi máu (10) có kích thước (0,70 x 0,30)m, tính theo hướng vết (3) thì đầu vết (10) đo vào vị trí mép đường chuẩn 10m50, cuối vết đo vào mép đường chuẩn 10,60m.

- Vết chà xước (10) có kích thước (2,40 x 0,50)m, bám dính tạp chất màu xanh, vị trí gần nhất tiếp giáp với đầu vết (10), vị trí còn lại tại mặt ngoài tâm vết (12).

- Thùng nhựa (12) có kích thước (0,55 x 0,40)m, màu xanh, tính theo hướng vết (3) và chiều dài của thùng nhựa thì đầu thùng nhựa cách mép đường chuẩn 9,10m, cuối thùng nhựa cách mép đường chuẩn 9,45m.

* Xác định có 04 vị trí va chạm được ký hiệu lần lượt là VC (1); VC (2); VC (3) và VC (4). Chọn xe (1) biển số 47A-207.32, dấu vết (3) là vết chà có kích thước (0,40 x 0,10)m, dấu vết (4) là vết chà xước có kích thước (4,20 x 0,20)m, mốc cố định là trụ điện số 2 trên hè phố bên trái đường N theo hướng từ đường C về đường L, mép đường chuẩn bên phải đường N theo hướng trên, để đo đến các vị trí va chạm (Các dấu vết và phương tiện trên được đo vẽ theo sơ đồ hiện trường ban đầu).

- VC (1) được xác định giữa xe (1) và xe (2) tương ứng với mặt đường N cách mép đường chuẩn 7,20m và cách đầu vết (3) là 0,50m.

- VC (2) được xác định giữa xe (1) với chị Huỳnh Thị N, đang bán hoa trên hè phố, tương ứng với mặt hè phố đo vào mép đường chuẩn là 10,70m, cách trục bánh trước bên phải xe (1) là 1,25m và cách mốc cố định là 0,85m.

- VC (3) được xác định giữa xe (1) với người điều khiển xe Mô tô biển số 47M1-002.97 đang đứng trên vỉa hè là bà Lê Thị Th, (sau tai nạn, bà Th và xe Mô tô biển số 47M1-002.97 được đưa đi khỏi hiện trường, ngày 18/01/2018 bà Th mang xe Mô tô biển số 47M1-002.97 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trình báo sự việc) tương ứng với mặt đường hè phố đo đến mép đường chuẩn 9,90m và cách VC (2) là 1,00m.

VC (4) được xác định giữa xe (1) với xe Mô tô biển số 47M1-002.97 tương ứng với mặt hè phố đo đến mép đường chuẩn là 10,70m, cách VC (2) là 0,70m, cách VC (3) là 1,00m và cách mốc cố định là 0,25m.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tạm giữ: 01 xe Ô tô biển số 47A-207.32 (1); 01 xe Mô tô biển số 47F1-085.30 (2); 01 Biển số xe Mô tô “47F1-085.30” (8); 01 Biển số trước xe Ô tô “47A – 207.32” (9) và chụp ảnh minh họa.

Tại bản Kết luận pháp y tử thi số 64/PY-T.Th, ngày 31/01/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị Huỳnh Thị N là do bị choáng đa thương/TNGT.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 479/PY-TgT, ngày 06/4/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Phạm Ngọc H bị đa thương, gãy xương vai trái, tỷ lệ thương tích 16%.

Tại bản cáo trạng số 164/CT-VKSND TPBMT ngày 08/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại chị Huỳnh Thị N là anh Nguyễn Văn Tr khai: Về trách nhiệm dân sự, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng anh tổng số tiền là 400.000.000đồng. Bị cáo đã bồi thường trước 300.000.000đ, còn 100.000.000đ, anh và bị cáo đã thỏa thuận mỗi tháng bị cáo chuyển vào tài khoản của anh Tr 10.000.000đ, và bị cáo đã chuyển được 02 tháng với số tiền 20.000.000đ còn lại 80.000.000đ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác. Tai nạn xảy ra không ai mong muốn, bị cáo đã ăn năn hối cải, thăm hỏi và bồi thường cho gia đình nên anh Tr đã viết đơn bãi nại cho bị cáo, mặt khác bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhân thân tốt nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Thị T.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 590; Điều 591, Điều 601 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc bị cáo Hoàng Thị T và đại diện bị hại là anh Nguyễn Văn Tr đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 400.000.000đ, bị cáo đã bồi thường cho anh Tr số tiền 300.000.000đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng, bị cáo T sẽ chuyển trả vào tài khoản cho anh Tr mỗi tháng 10.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường tiếp cho

anh Tr 20.000.000đ; Tổng cộng anh Tr đã nhận số tiền 320.000.000 đồng; Số tiền 80.000.000đ còn lại anh Tr và bị cáo thỏa thuận mỗi tháng bị cáo bồi thường cho anh Tr số tiền 10.000.000đ bắt đầu từ tháng 7/2018 và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận nêu trên.

Anh Phạm Ngọc H và bị cáo Hoàng Thị T đã tự nguyện thỏa thuận và bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 15.000.000 đồng (Bao gồm: Tiền chi phí điều trị thương tích 10.000.000 đồng và tiền sửa chữa xe Mô tô biển số 47F1-085.30 là 5.000.000 đồng). Anh H đã nhận đủ số tiền trên và viết đơn bãi nại cho bị cáo Hoàng Thị T, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Sau khi xảy ra va chạm với xe Ô tô biển số 47A-207.32, vì thương tích nhẹ nên bà Th không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường thiệt hại và bà Th đã viết đơn bãi nại cho bị cáo Hoàng Thị T.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định trả lại xe Ô tô biển số 47A-20732, 01 giấy biên nhận thể chấp của ngân hàng B, chi nhánh Đắk Lắk đối với bản gốc giấy đăng ký xe Ô tô biển số 47A-20732, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô, cho bị cáo Hoàng Thị T; Trả lại xe Mô tô biển số 47F1-085.30, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47F1-085.30 mang tên Trương Văn C, cho chị Phạm Ngọc L và 01 giấy phép lái xe hạng A 1, số AM 391424, cho anh Phạm Ngọc H; Trả lại Xe Mô tô biển số 47M1-002.79, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47M1-002.79 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, cho bà Lê Thị Th, là các chủ sở hữu và đề nghị trả 01 giấy phép lái xe hạng B 2, số 661178017577, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp mang tên Hoàng Thị T, cho bị cáo Hoàng Thị T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc xét xử.

Bị cáo Hoàng Thị T không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của chị N, sức khỏe, tài sản của anh H, bà Th và còn xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông công cộng. Bị cáo nhận thức được rằng, tính mạng của người khác là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật Nhà nước ta tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật đều bị trừng trị. Song, do không tuân thủ đúng quy định về tham gia giao thông đường bộ nên vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/01/2018, Hoàng Thị T đã có giấy phép lái xe hạng B2, điều khiển xe Ô tô biển số 47A-207.32, lưu thông trên đường N,

thành phố B, theo hướng từ đường C về đường L. Khi đến khu vực chợ T đường N, thành phố B, T dừng xe lại bên trái đường theo hướng đi nhưng vẫn để xe nổ máy, tay rời xuống xe để mua thức ăn. Sau đó, T lên xe Ô tô biển số 47A-207.32 điều khiển sang phải đường. Do không làm chủ tốc độ nên T đã để xe Ô tô biển số 47A-207.32 tông vào phía sau xe Mô tô biển số 47F1 – 085.30 có anh Phạm Ngọc H đang ngồi trên xe rồi tiếp tục tông vào chị Huỳnh Thị N đang bán hoa trên hè phố đồng thời va quệt vào bà Lê Thị Th và xe Mô tô biển số 47M1 – 002.79 của bà Lê Thị Th, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả, chị Huỳnh Thị N bị tử vong, anh Phạm Ngọc H bị thương tích tỷ lệ 16%, bà Lê Thị Th bị thương nhẹ. Hành vi của Hoàng Thị T vi phạm vào khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng.

Lời khai nhận của bị cáo Hoàng Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) Làm chết người”.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi gây tai nạn bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại được đại diện gia đình người bị hại và những người bị hại là anh H, bà T làm đơn bãi nại và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra bị cáo có chồng và bố chồng được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên cần áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền

địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn anh Nguyễn Văn Tr là người đại diện hợp pháp cho bị hại chị Huỳnh Thị N và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bao gồm: Tiền tổn thất tinh thần là 72.000.000 đồng; Tiền chi phí mai táng là 40.000.000 đồng; Tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung của anh Nguyễn Văn Tr và chị Huỳnh Thị N đến năm đủ 18 tuổi là 288.000.000 đồng). Bị cáo Hoàng Thị T đã tự nguyện bồi thường trước cho anh Tr số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng, bị cáo T sẽ chuyển trả vào tài khoản cho anh Tr mỗi tháng 10.000.000 đồng. Anh Tr đã nhận số tiền 300.000.000 đồng và thực hiện thỏa thuận bị cáo đã chuyển vào tài khoản của anh Tr 20.000.000đ; bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000đ, thời gian và phương thức bồi thường: Mỗi tháng bồi thường 10.000.000đ bắt đầu từ tháng 7/2018; là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận.

Bị hại anh Phạm Ngọc H và bị cáo Hoàng Thị T đã thỏa thuận và bị cáo đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (Bao gồm: Tiền chi phí điều trị thương tích 10.000.000 đồng và tiền sửa chữa xe Mô tô biển số 47F1-085.30 là 5.000.000 đồng). Anh H đã nhận đủ số tiền trên và viết đơn bãi nại cho bị cáo Hoàng Thị T, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm khoản nào khác, là tự nguyện cần chấp nhận.

Sau khi xảy ra va chạm với xe Ô tô biển số 47A-207.32, bà Lê Thị Th được đưa đến Bệnh viện Đa khoa thành phố B khám và chẩn đoán bà Th bị “*Chấn thương phần mềm vùng hố chậu phải/TNGT*” và được bệnh viện cấp toa thuốc cho về nhà điều trị. Vì thương tích nhẹ nên bà Th không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường thiệt hại cho bà và bà Th là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định trả lại xe Ô tô biển số 47A-20732, 01 giấy biên nhận thế chấp của ngân hàng B, chi nhánh Đắk Lắk đối với bản gốc giấy đăng ký xe Ô tô biển số 47A-20732, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô, cho bị cáo Hoàng Thị T; Trả lại xe Mô tô biển số 47F1-085.30, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47F1-085.30 mang tên Trương Văn C, cho chị Phạm Ngọc L và 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AM 391424, cho anh Phạm Ngọc H; Trả lại Xe Mô tô biển số 47M1-002.79, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47M1-002.79 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, cho bà Lê Thị Th, là các chủ sở hữu và đề nghị trả 01 giấy phép lái xe hạng B 2, số 661178017577, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp mang tên Hoàng Thị T, cho bị cáo Hoàng Thị T là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy

lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Thị T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị T**: 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 591, Điều 593, Điều 601 Bộ luật dân sự 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận anh Nguyễn Văn Tr là người đại diện hợp pháp cho bị hại chị Huỳnh Thị N và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường tổng số tiền 400.000.000, bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường được cho anh T số tiền 320.000.000 đồng, số tiền còn lại 80.000.000 đồng, bị cáo T sẽ chuyển trả vào tài khoản cho anh Tr mỗi tháng 10.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị T phải tiếp tục bồi thường cho anh Tr số tiền 80.000.000đồng; Thời gian và phương thức bồi thường: mỗi tháng 10.000.000đ bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi bồi thường đủ 80.000.000đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Chấp nhận việc bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường cho anh Phạm Ngọc H số tiền 15.000.000 đồng; Anh H đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Chấp nhận việc bà Lê Thị Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại xe Ôtô biển số 47A-20732, 01 giấy biên nhận thế chấp của ngân hàng B, chi nhánh Đắk Lắk đối với bản gốc giấy đăng ký xe Ôtô biển số 47A-20732, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô, cho bị cáo Hoàng Thị T; Trả lại xe Mô tô biển số 47F1-085.30, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47F1-085.30 mang tên Trương Văn C, cho chị Phạm Ngọc L và 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AM 391424, cho anh Phạm Ngọc H ; Trả lại Xe Mô tô biển số 47M1-002.79, 01 giấy đăng ký xe Mô tô biển số 47M1-002.79 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, cho bà Lê Thị Th, là các chủ sở hữu.

Tuyên trả cho bị cáo Hoàng Thị T 01 Giấy phép lái xe hạng B2, số 661178017577, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên Hoàng Thị T (Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Hoàng Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- THA phạt tù(đề thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt